CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà

Ngày 31/03/2024	12,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.0%	**19.3%**	**14.9%**

DT thuần
Q1/24
136
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.0| -27.8%
YoY: ▲ 4.00| 2.8%

LN thuần
Q1/24
15.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.5| -50.8%
YoY: ▼16.4| -52.2%

LN sau thuế
Q1/24
10.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.9| -80.1%
YoY: ▼15.8| -59.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
25.6%
YoY: +/-▼ 25.0%

ROE (TTM)
Q1/24
2.6%
YoY: +/-▼ 0.5%

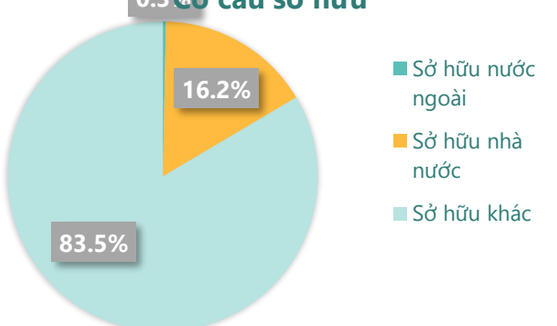
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,010 - 14,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,185
Số lượng CPLH (CP)	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,033,590
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.43
EPS	609
P/E	20.3

DT thuần
2023
529
tỷ VNĐ
YoY: ▼287| -35.2%

LN thuần
2023
78.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼132| -62.7%

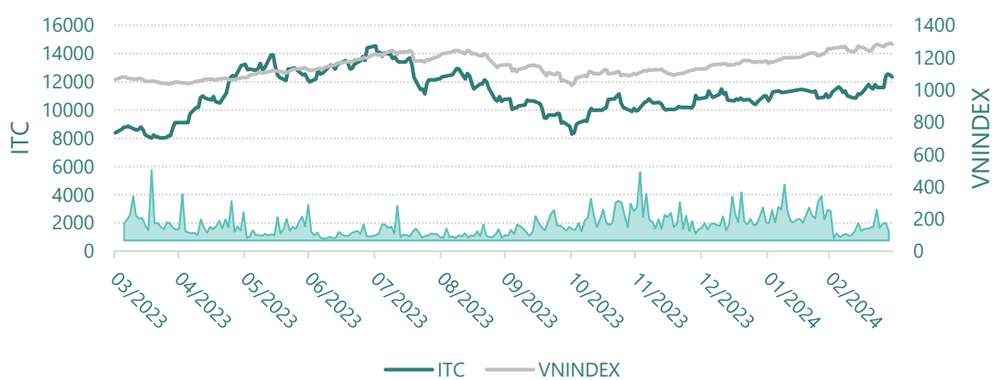
LN sau thuế
2023
88.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼68.0| -43.5%

Cơ cấu sở hữu

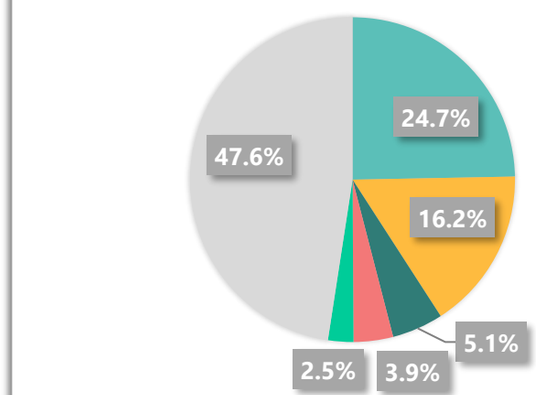


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



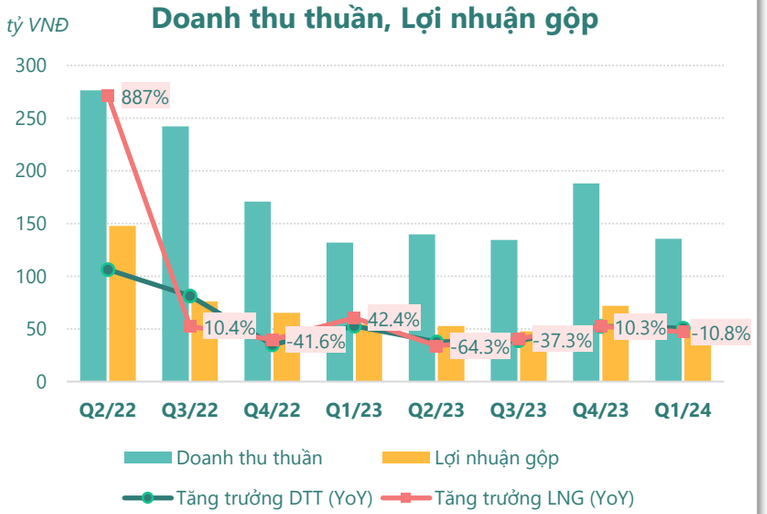
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

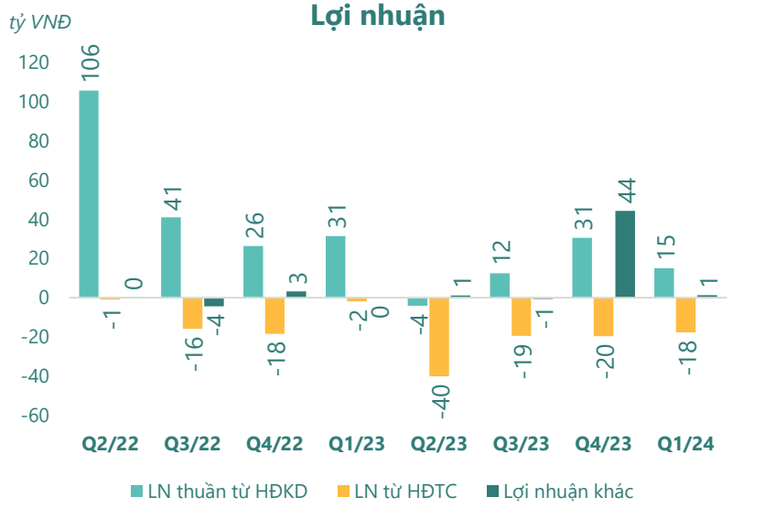
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



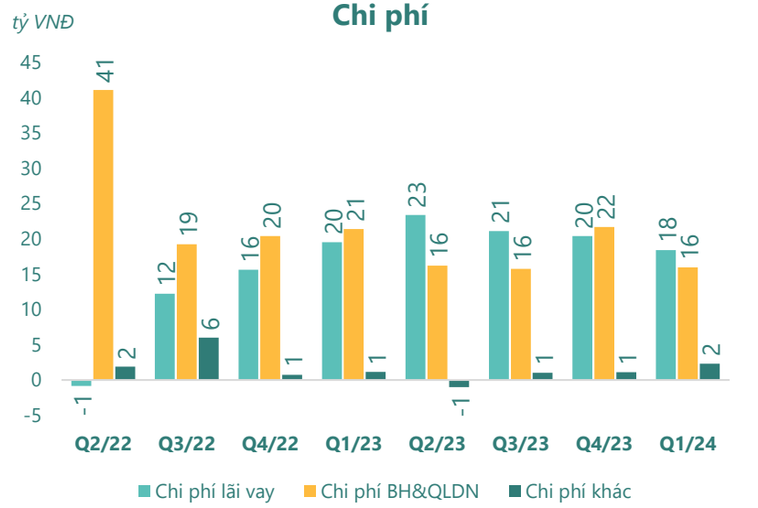
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



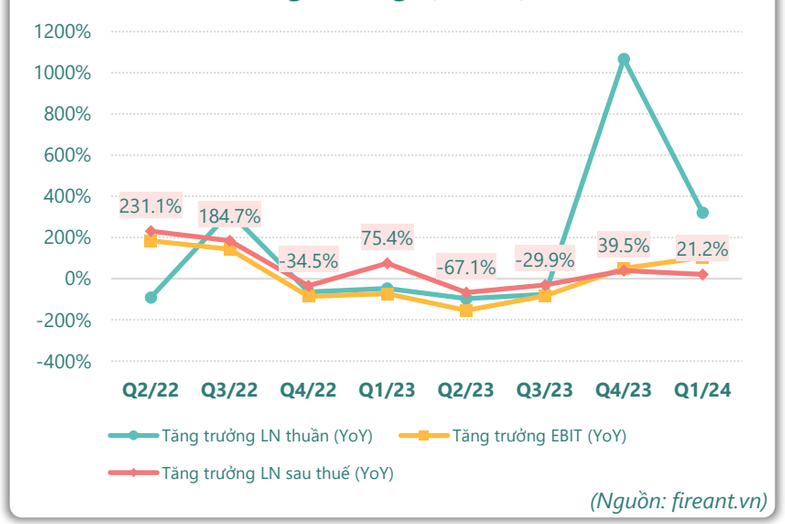
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



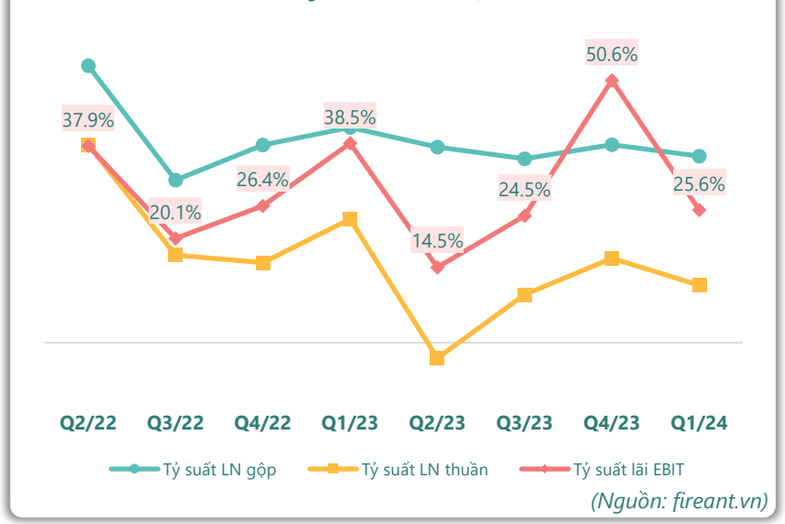
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



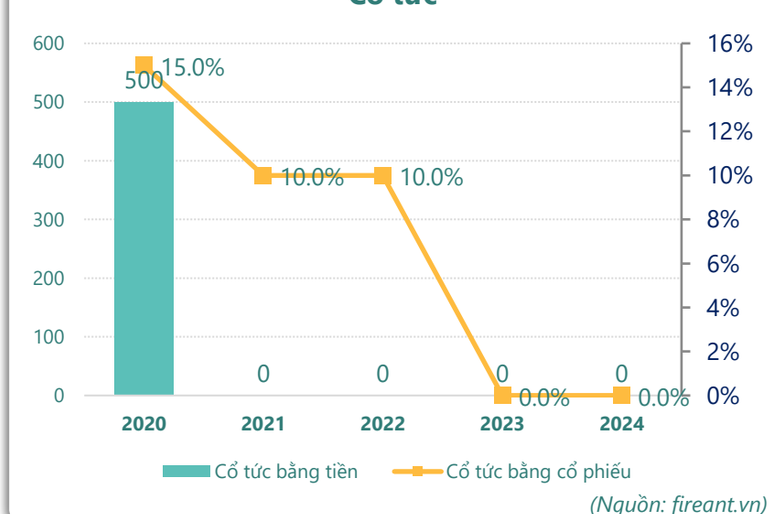
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



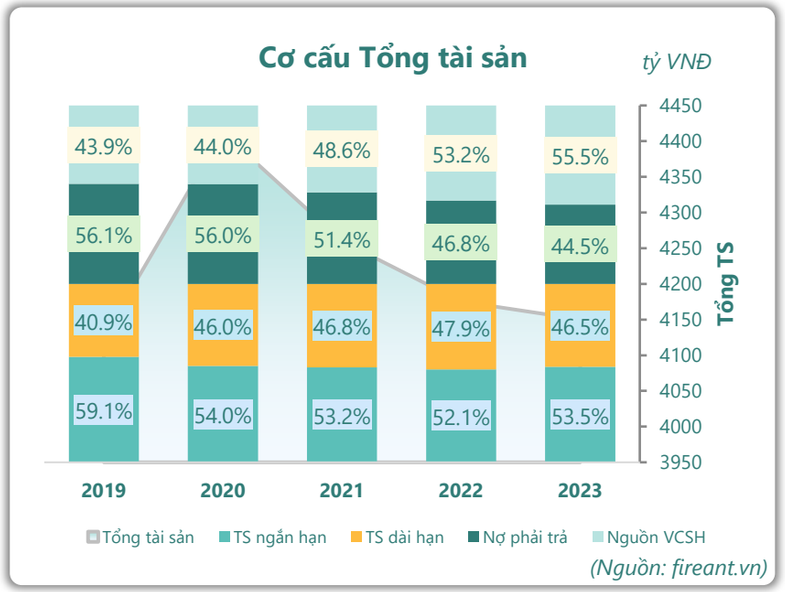
(Nguồn: fireant.vn)

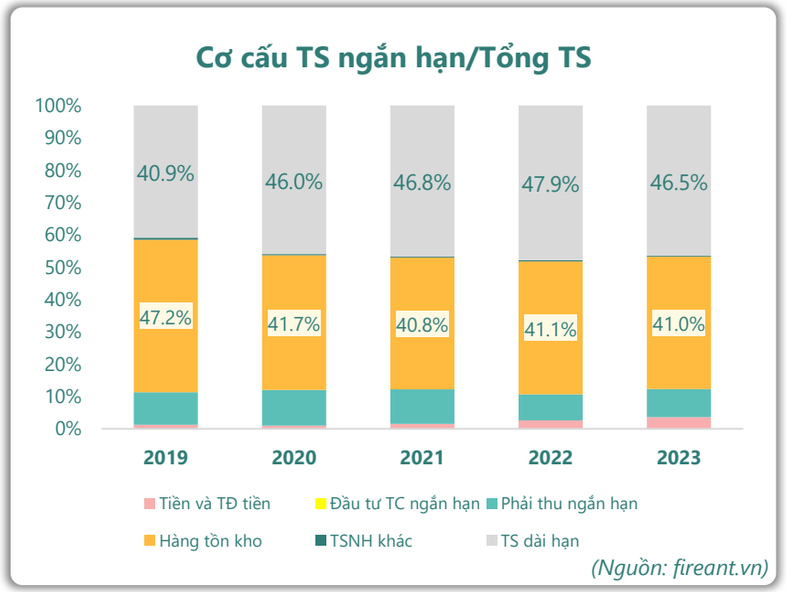
Cổ tức

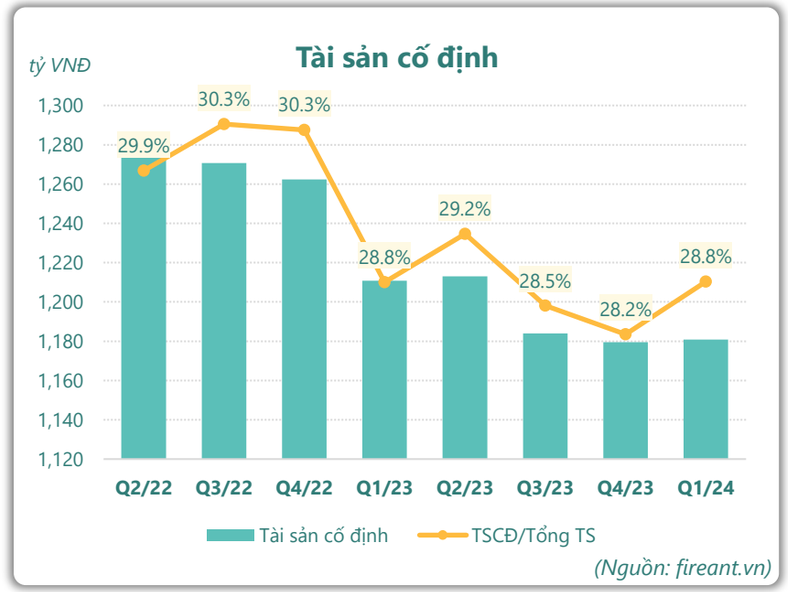


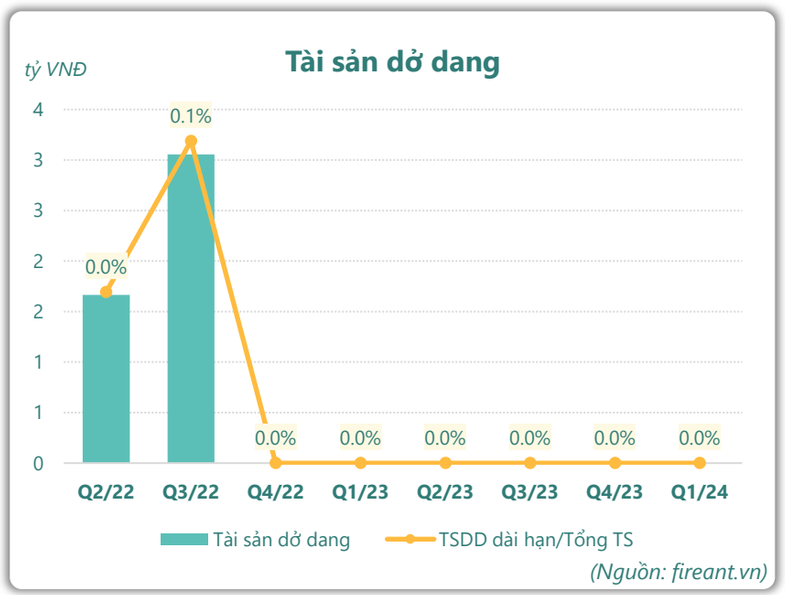
(Nguồn: fireant.vn)

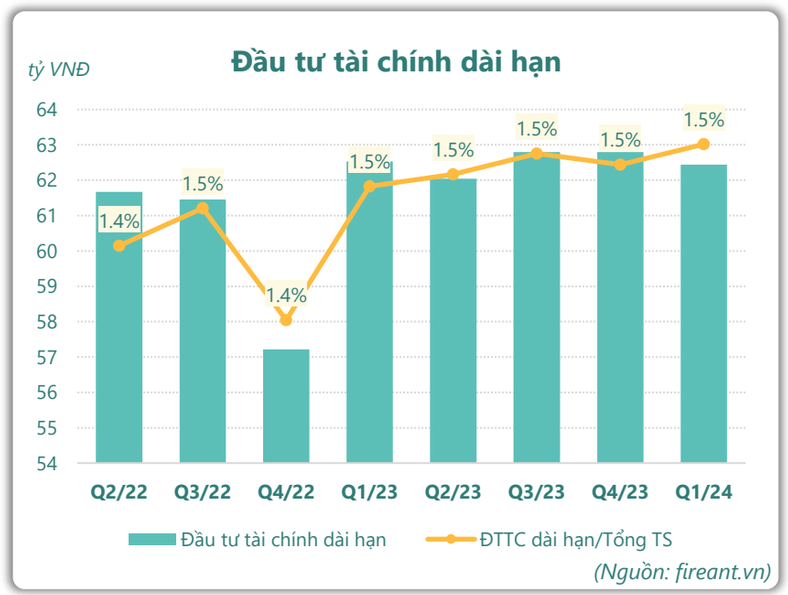
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

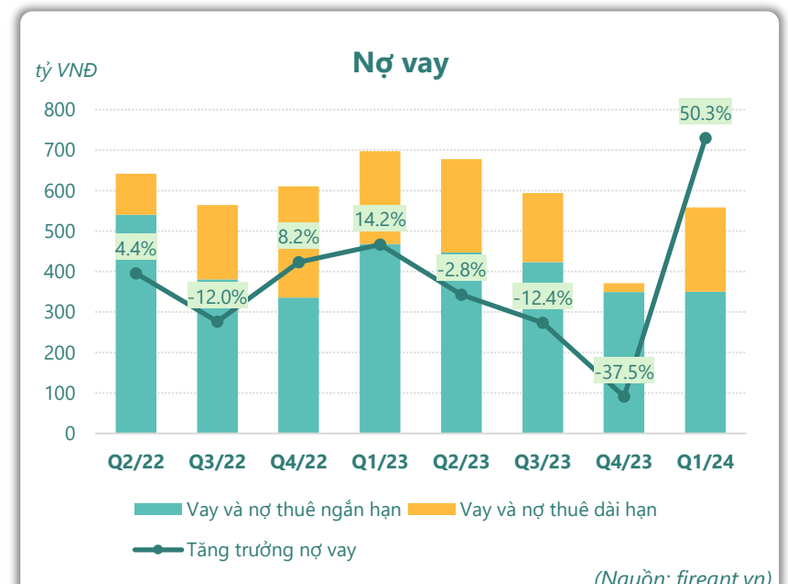






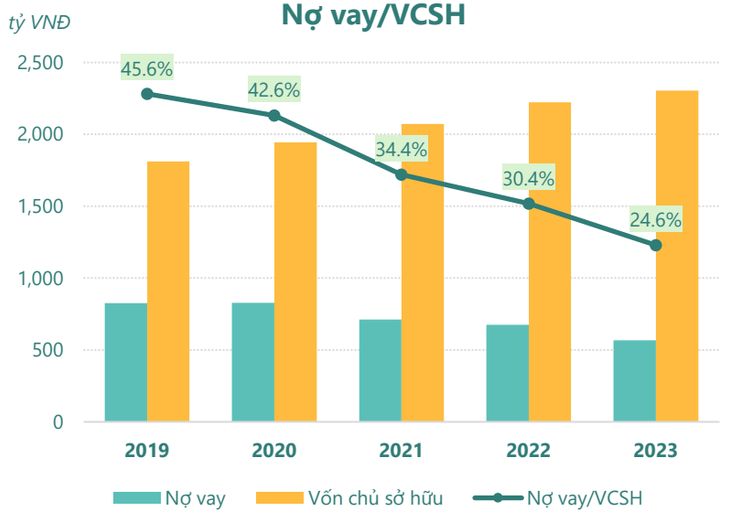






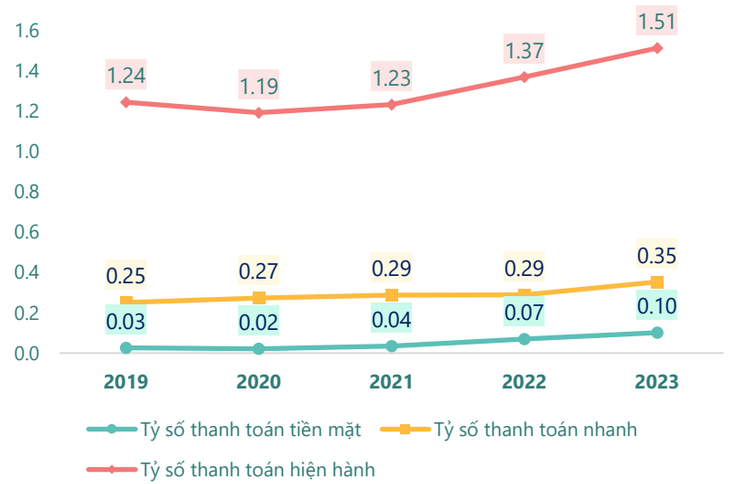
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



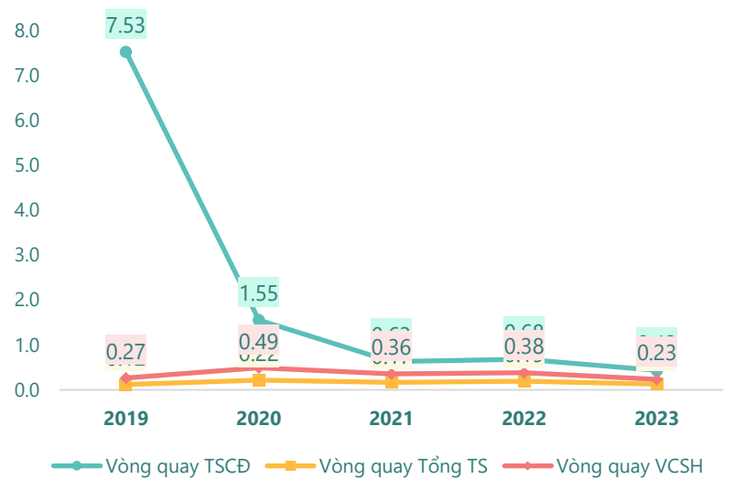
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



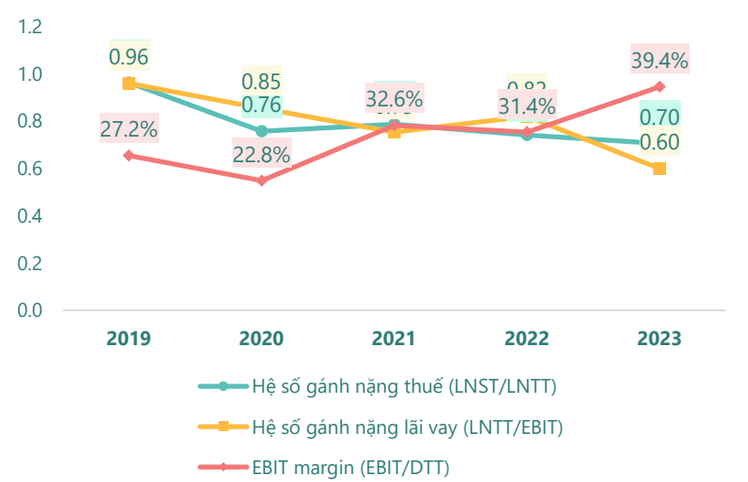
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



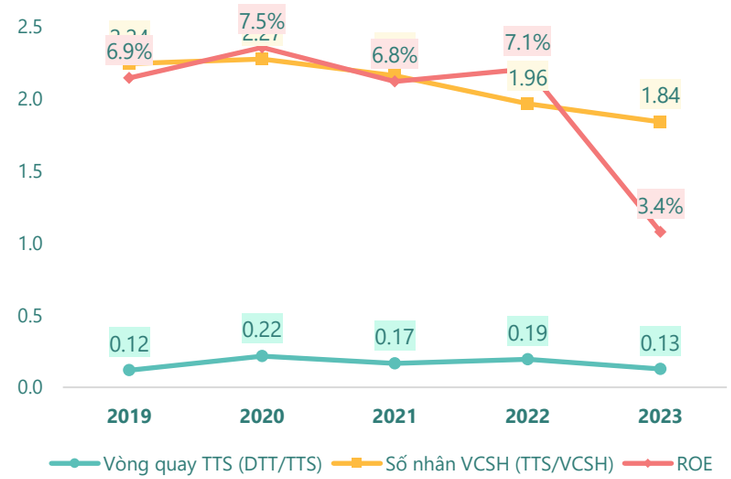
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



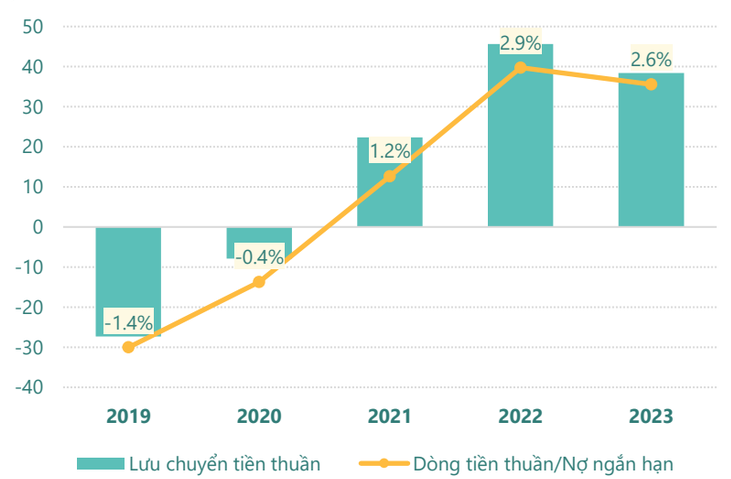
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**136**	**132**	**2.8%**	**529**	**816**	**-35.2%**
Giá vốn hàng bán	86.9	77.1	12.7%	304	472	-35.6%
Lợi nhuận gộp	48.8	54.7	-10.8%	225	344	-34.6%
Doanh thu HĐTC	0.64	1.45	-55.8%	2.58	2.14	20.5%
Chi phí TC	18.4	3.33	453%	83.9	49.8	68.4%
Chi phí lãi vay	18.4	19.5	-5.6%	83.5	46.0	81.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.96**	**-2.42**	**60.2%**
Chi phí bán hàng	1.52	2.06	-26.1%	6.68	9.01	-25.9%
Chi phí QLDN	**14.5**	**19.3**	**-25.1%**	**58.0**	**75.2**	**-22.8%**
LN thuần từ HĐKD	15.1	31.5	-52.2%	78.1	210	-62.7%
Lợi nhuận khác	**1.25**	**-0.29**	**532%**	**46.7**	**0.58**	**7925%**
LN trước thuế	16.3	31.2	-47.7%	125	210	-40.6%
Lợi nhuận sau thuế	**10.9**	**26.7**	**-59.1%**	**88.0**	**156**	**-43.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.42**	**19.9**	**-52.6%**	**78.0**	**152**	**-48.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.9	-136	19.6	124	186	-14.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.2	97.2	7.77	-44.9	15.1	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.64	22.8	-21.0	-51.7	-181	-11.0
Tiền đầu kỳ	86.2	111	94.6	101	129	149
Lưu chuyển tiền thuần	**24.4**	**-16.1**	**6.35**	**27.7**	**20.2**	**-25.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.11	0
Tiền cuối kỳ	111	94.6	101	129	149	124

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,107**	**4,150**	**-1.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,186	2,219	-1.5%
Tiền và tương đương tiền	124	149	-16.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	328	360	-9.0%
Hàng tồn kho	1,710	1,701	0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	24.0	8.67	177%
Tài sản dài hạn	**1,921**	**1,931**	**-0.5%**
Phải thu dài hạn	18.9	11.9	58.9%
Tài sản cố định	1,181	1,196	-1.3%
Bất động sản đầu tư	610	615	-0.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	62.4	62.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**48.1**	**46.3**	**4.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,792	1,845	-2.9%
Nợ ngắn hạn	**1,378**	**1,467**	**-6.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	350	369	-5.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	102	111	-7.7%
Nợ dài hạn	415	378	9.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	208	198	5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,314**	**2,305**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,314**	**2,305**	**0.4%**
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)